

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày 03-3-2021  
V/v “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Tự Sinh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hà  
Ông Nguyễn Viết Dũng

**- Thư ký phiên toà:** Bà Trương Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:** Ông **Ngô Văn Hùng**  
- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 83/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019, về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2020/QĐ-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 25/TB-TA ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Minh D**, sinh năm 1982. Nơi ĐKKHKT: Tổ 12, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: Số 333 đường D, quận C, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* Bị đơn: Bà **Tran Thi H**, sinh năm 1989. Địa chỉ: 4457 C. PL, G. GA 30507, USA (Hoa Kỳ). Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2019 và tại phiên toà sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Minh D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Tran Thi H tìm hiểu nhau từ tháng 6 năm 2018, đến ngày 12/6/2019 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn ông bà không sống chung với nhau vì bà H quay lại Mỹ ngay. Từ thời gian đó đến nay, bà H không còn liên lạc với ông D nữa. Nguyên nhân theo ông D cho rằng do bà H lừa dối ông, ông D có nhờ người tìm và liên lạc với bà H nhưng không được. Nay xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn với bà Tran Thi H. Ông đề nghị Tòa án xét xử vụ án mà vắng mặt ông, do từ tháng 01 năm 2021 ông có công việc phải đi công tác xa, nên không thể tham gia phiên tòa được.

Về con chung: Ông xác định ông và bà Tran Thi H không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định ông và bà Tran Thi H không có tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Tran Thi H không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Minh D, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Minh D đối với bà Tran Thi H, đề nghị HĐXX tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Minh D được ly hôn với bà Tran Thi H.

Về con chung: Ông và bà Tran Thi H không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà Tran Thi H không có tài sản chung và nợ chung.

Án phí HNGĐ sơ thẩm, các chi phí tố tụng, ông Nguyễn Minh D phải chịu theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh D, sinh năm: 1982. Nơi ĐKKHKT: Tổ 12, phường B, quận C, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: Số 333 đường D, quận C, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn bà Tran Thi H, sinh năm: 1989. Địa chỉ: 4457 C. PL, G. GA 30507, USA (Hoa Kỳ) nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn ông Nguyễn Minh D và bị đơn bà Tran Thi H, theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt, thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cho bà Tran Thi H bằng đường ngoại giao theo Luật tương trợ tư pháp và yêu cầu bà Tran Thi H gửi văn bản phản hồi cho Tòa án; đồng thời thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 07/12/2020, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã nhận được Công văn số: 3053/BTP-PLQT ngày 26/11/2020 của Bộ Tư pháp về kết quả ủy thác tư pháp. Theo đó, Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được ủy thác tư pháp với lý do bà Tran Thi H không còn sống tại địa chỉ trên. Theo yêu cầu của ông Nguyễn Minh D, ngày 11/01/2021, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã có công văn số 30/CV-TA về việc đăng thông báo trên Đài tiếng nói Việt Nam - Hệ phát thanh Đối ngoại Quốc Gia VOV5 (đăng 03 ngày liên tiếp 27, 28 và 29 tháng 01 năm 2021) với nội dung: Tòa án sẽ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án ly hôn giữa ông Nguyễn Minh D đối với bà Tran Thi H vào lúc 08 giờ ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Tran Thi H vẫn không có mặt, căn cứ điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Tran Thi H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh D và bà Tran Thi H kết hôn vào ngày 12/6/2019 tại UBND quận C, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện (số đăng ký 57/2019). Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo ông D, sau khi kết hôn ông bà không chung sống với nhau, bà Tran Thi H trở về Hoa Kỳ, còn ông vẫn sinh sống tại Đà Nẵng. Từ đó cho đến nay bà Ha không về Việt Nam, cũng không còn liên lạc với ông D. Nguyên nhân, theo ông D là do bà Ha lừa dối nhau, vợ chồng xa cách nên không còn tình cảm. Nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Tran Thi H.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Minh D thấy: Hôn nhân giữa ông D và bà Tran Thi H chỉ tồn tại về mặt hình thức, mỗi người sống mỗi nơi, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D đối với bà Tran Thi H là có căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Minh D xác định không có con chung với bà Tran Thi H.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Minh D xác định không có, bà Tran Thi H không có lời khai về tài sản chung và nợ chung, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, HĐXX không đề cập đến về tài sản chung và nợ chung.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông D phải chịu 300.000đ, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài ông D phải chịu theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về chi phí thực tế phát sinh ủy thác ra nước ngoài: Ông D không phải chịu.

[6] Về chi phí đăng thông báo trên đài phát thanh VOV5, ông D phải chịu.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Minh D với bà Tran Thi H.

**Xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh D được ly hôn với bà Tran Thi H.

**2.** Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh D phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0002508 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, ông D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

**3.** Về phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Ông Nguyễn Minh D phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp thu thập chứng cứ nhưng được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số: 0002606 ngày 15/5/2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Ông Nguyễn Minh D phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tổng đạt nhưng được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số: 0002605 ngày 15/5/2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Ông Nguyễn Minh D đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

**4.** Ông Nguyễn Minh D không phải chịu chi phí thực tế phát sinh ủy thác ra nước ngoài. Hoàn trả cho Ông Nguyễn Minh D 3.000.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0002607 ngày 15/5/2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

**5.** Về chi phí dịch thuật và chứng thực: Ông Nguyễn Minh D phải chịu 1.200.000 đồng, ông D đã nộp đủ theo biên lai số 0006289 ngày 08/7/2020 và hóa đơn bán hàng số 0099507 ngày 08/7/2020 của Phòng Tư pháp quận C, thành phố Đà Nẵng.

**6.** Về chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp thanh toán cho cơ quan được ủy thác tư pháp: Ông Nguyễn Minh D phải chịu 2.225.850 đồng (tương đương 95 USD), ông D đã nộp đủ.

**7.** Về chi phí đăng thông báo trên Đài tiếng nói Việt Nam - Ban đối ngoại (VOV5) là 1.500.000 đồng ông Nguyễn Minh D phải chịu. Ông D đã nộp đủ theo phiếu thu số 11.1/2021/DV ngày 12/01/2021 của Đài tiếng nói Việt Nam-Ban đối ngoại (VOV5).

**8.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Minh D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn bà Tran Thi H không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- UBND quận C;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Lê Tự Sinh**